

Bản án số: 132/2020/HS-ST
Ngày 15- 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Gia Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T Tập và bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2020/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với:

Bị cáo: Phùng Thị L, sinh ngày 13/5/1962 tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 1, khu 8, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng T (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); chồng: Nguyễn Văn T sinh năm 1963; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: chị Đoàn Thị T, sinh năm: 1976; địa chỉ: tổ 2, khu 8, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Những người làm chứng

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1995; địa chỉ: tổ 2, khu 8, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh Vũ Hữu M, sinh năm: 1995; địa chỉ: tổ 2, khu 8, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh Vũ Tiến K, sinh năm: 1965; địa chỉ: tổ 2, khu 8, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Chị Trần Thị H, sinh năm: 1981; địa chỉ: số 40/124 đường L, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 4, khu 9, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh Lê Trung T, sinh năm: 1985; địa chỉ: khu 2, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Thị L và bà Đoàn Thị T là hàng xóm của nhau. Khoảng đầu năm 2016, L thường sang nhà bà T chơi nên biết con trai bà T là anh Vũ Hữu M và con dâu là Nguyễn Thị M, học trường Trung cấp Quân y mới ra trường chưa xin được việc làm. Thông qua anh Nguyễn Anh T (anh T là con trai L), L biết chị Trần Thị H - kế toán trưởng Đại học Y Hải Phòng có khả năng xin việc cho người khác vào Công ty Đ, nên L đã nhận của bà T 100.000.000 đồng, sau đó nhờ chị H xin cho anh M vào làm cơ điện Công ty Đ, đợi khi nào có đợt tuyển sẽ xin cho anh M chuyển sang bộ phận y tế. Đến cuối năm 2017, anh M vẫn chưa được chuyển sang bộ phận y tế, nên bà T đã yêu cầu L trả lại 100.000.000 đồng. L đã trả cho bà T 50.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ 50.000.000 đồng. Sau đó, do không có tiền trả cho bà T và muốn có tiền để chi tiêu cá nhân, L nói dối bà T có khả năng xin việc cho chị M làm y tá tại Bệnh viện V với chi phí xin việc là 150.000.000 đồng. Bà T tin, nên ngày 14/3/2018, đã đưa cho L 150.000.000 đồng (có giấy biên nhận) để xin việc cho chị M. Sau đó, L không xin được việc cho chị M nên bà T nhiều lần đòi tiền. Để tạo niềm tin và kéo dài thời gian trả tiền cho bà T, L tìm hiểu tại Trung tâm y tế Quảng Yên tuyển người học việc và bảo M nộp hồ sơ học việc (không mất chi phí gì). Chị M học việc được một thời gian do không có lương nên chị tự nghỉ. Bà T tiếp tục yêu cầu L xin việc cho chị M như đã cam kết. L tiếp tục tìm hiểu thì được biết Trung tâm bảo trợ xã hội Quảng Ninh có tuyển dụng lao động, nên L đã bảo chị M nộp hồ sơ (không nhờ ai cũng không mất chi phí gì). Chị M làm việc theo hình thức khoán việc tại Trung tâm bảo trợ xã hội Quảng Ninh đến nay. Do không xin được việc cho chị M và anh M theo như cam kết ban đầu, nên bà T đã nhiều lần yêu cầu L phải trả lại tiền. L yêu cầu bà T trả công xin việc cho M vào làm ở Công ty Đồng Bắc, chị M vào Trung tâm bảo trợ xã hội Quảng Ninh với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, bà T đồng ý. Còn lại số tiền 160.000.000 đồng bà T nhiều lần yêu cầu L trả nhưng L không trả được. Ngày 10/6/2020 bà T đến Cơ quan công an trình báo.

Quá trình điều tra, Phùng Thị L khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt 150.000.000 đồng của bà T như đã nêu trên. Số tiền nhận của bà T, L đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/6/2020, L đã cùng chồng là ông Nguyễn Văn T đã tự nguyện giao nộp 160.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà T. Bà T không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho L.

Giai đoạn điều tra, bị hại đã khai báo toàn bộ nội dung sự việc cơ bản như bị cáo khai nhận. Bị hại đã nhận được tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Giai đoạn điều tra, những người làm chứng đã khai báo toàn bộ nội dung sự việc cơ bản như nội dung Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 123/CT-VKSUB-QN ngày 10 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phùng Thị L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

(1) Tuyên bố: Bị cáo Phùng Thị L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

(2) Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

(3) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xác định tội đối với bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phùng Thị L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/3/2018, tại phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Phùng Thị L đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa xin việc cho con dâu bà Đoàn Thị T vào làm y tá tại Bệnh viện V, để chiếm đoạt của bà T số tiền 150.000.000 đồng.

[2.2] Hành vi của của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.4] Về nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người trưởng thành nhận thức được pháp luật ngăn cấm việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng chỉ vì muốn có tiền chi tiêu mà đã dùng thủ đoạn gian dối đối với bà T nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến niềm

tin trong cộng đồng dân cư tại địa phương Do đó, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo: bị cáo phải chịu hình phạt về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3.1] Xét về nhân thân bị cáo thấy bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ nghị quyết 02/2018/HĐTP –TANDTC xét thấy không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại cộng đồng cũng đủ răn đe giáo dục.

[3.4] Hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nhưng xét thấy bị cáo Phùng Thị L hiện nay không có việc làm, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền chiếm đoạt cho bị hại bà Đoàn Thị T số tiền 150.000.000 đồng; trả bà T 10.000.000 đồng tiền vay nợ. Bà T không có yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Đối với hành vi của Phùng Thị L nhận 100.000.000 đồng của bà T để xin việc cho anh M. Do L đã thực hiện đúng cam kết, sau khi bà T đòi lại tiền L đã trả lại 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng L viết giấy nhận nợ, bà T đồng ý, L không có mục đích chiếm đoạt tài sản. Do vậy, xác định hành vi nêu trên là giao dịch dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Phùng Thị L phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Phùng Thị L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: Áp dụng Điều 123 và Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 71/L-CĐKNCT ngày 21/9/2020 đối với bị cáo Phùng Thị L.

3. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phùng Thị L phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Gia Ninh